TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2018
V/v Ly hôn giữa chị K và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thọ
2. Bà Nguyễn Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị K trình bày: Vào khoảng năm 2000 do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến đánh nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị K xin được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 24/02/2001, hiện cháu đang sống với anh T. Chị K đồng ý giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị K không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn chị K trình bày không đúng. Theo anh T thì vợ chồng không có mâu thuẩn gì. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị K thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Yêu cầu được giành quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc N cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân chị K và anh T là không hợp pháp.

Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẩn. Theo chị K là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhiều lần dẫn đến đánh nhau nên vợ chồng sống đã ly thân. Anh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẩn gì chị K tự ý bỏ nhà đi sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Khi sống ly thân, vợ chồng xác định không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, chị K cương quyết xin được ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, cần tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 24/02/2001. Hiện cháu đang chung sống với anh T. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu được giành quyền nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Chị K đồng ý giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, ghi nhận chị K đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi con và ghi nhận anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị K, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị K không được lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị K. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.3Tài sản chung: Xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Nghĩa vụ chung: Xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, Điều147, Điều 271và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 14, Điều15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 24/02/2001 cho anh Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị K không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị K.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000452 ngày 12 tháng 10 năm 2017 thành tiền án phí. Chị K đã nộp xong.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng